

Số: **805** /BC - UBND

Triệu Sơn, ngày **08** tháng **05** năm 2017

BÁO CÁO

KẾT QUẢ KIỂM TRA THẨM ĐỊNH TRƯỜNG MẦM NON ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA MỨC ĐỘ 1 THEO THÔNG TƯ 02/2014/TT-BGD&ĐT

- Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục&Đào tạo;

- Căn cứ Quyết định số: 1300/QĐ-UBND ngày 24 tháng 04 năm 2017, của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc kiểm tra thẩm định Trường mầm non đạt Chuẩn Quốc Gia mức độ 1.

Thành phần:

1. Ông: Lê Quang Trung, Phó Chủ tịch UBND huyện - Trưởng đoàn
2. Bà: Lê Thị Lê, Trưởng phòng GD&ĐT - Phó Trưởng đoàn
3. Bà: Nguyễn Thị Hương, Viên chức phòng GD&ĐT - Thư ký
4. Ông: Trương Tuấn Anh, Công chức phòng GD&ĐT - Thành viên
5. Ông: Nguyễn Trung Tâm, Công chức phòng GD&ĐT- Thành viên

Thời gian kiểm tra: 14h 00' ngày 28 tháng 04 năm 2017.

A. Thông tin chung:

1. Tên trường: *Mầm non Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.*

2- Địa chỉ: *Thôn 2 xã Minh Châu, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa..*

Số điện thoại: 0904967449

3- Xét theo tiêu chuẩn: **Mức độ 1.**

4- Thành tích:

- Tập thể Trường: Trường mầm non Minh Châu trong 5 năm gần đây nhiều năm liền đạt tập thể lao động tiên tiến cấp huyện và đơn vị hoàn thành nhiệm vụ trong năm. Chi bộ đảng 3 năm liên tục đạt danh hiệu “Chi bộ trong sạch vững mạnh”.

- Cá nhân:

+ Hiệu trưởng nhiều năm đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở có nhiều SKKN được xếp loại cấp huyện.

+ Phó hiệu trưởng đạt danh hiệu CSTĐ cấp cơ sở.

+ Có 05 giáo viên đạt CSTĐ cấp cơ sở.

+ Có 1 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp huyện, 2 SKKN cấp huyện.

B- Kết quả thực hiện tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1:

I. Tổ chức và quản lý.

1. Công tác quản lý:

- Nhà trường xây dựng các kế hoạch hoạt động năm học, học kỳ, tháng và tuần; có biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch đúng tiến độ.
- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, các tổ trưởng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện quản lý, phân công hợp lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, Luật Cán bộ, công chức và luật viên chức.
- Tổ chức và quản lý tốt các hoạt động hành chính, tài chính, quy chế chuyên môn, quy chế dân chủ, kiểm tra nội bộ, đổi mới công tác quản lý, quan hệ công tác và lề lối làm việc trong trường mầm non.
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc quy chế hoạt động chuyên môn, có nề nếp, đúng chương trình giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT quy định,
- Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đảm bảo cảnh quan xanh, sạch, đẹp, an toàn; Hàng năm có kế hoạch bổ sung, sửa chữa thường xuyên về CSVC.
- Lưu trữ đầy đủ và khoa học các hồ sơ, sổ sách phục vụ công tác quản lý của nhà trường.
- Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với cán bộ, giáo viên theo quy định hàng tháng đối với CBGV thuộc biên chế theo hệ số lương. Hiện tại nhà trường có: 6 cô là giáo viên, nhân viên ngoài biên chế (trong đó: 4 giáo viên; 1 kế toán và thuê 1 cô nuôi) chưa có lương, nhà trường chi trả từ các nguồn hỗ trợ hàng tháng chủ yếu phụ huynh mức : 1.500.000đ/tháng/cô
- Thường xuyên tổ chức và duy trì các phong trào thi đua do Ngành và địa phương phát động như: Phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", " Học tập và làm theo tấm gương Đạo đức Hồ Chí Minh" phong trào văn hoá văn nghệ của địa phương tổ chức;
- Có biện pháp nâng cao đời sống cho cán bộ, giáo viên và nhân viên trong trường mầm non như: Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, hội cha mẹ tạo cơ chế để hỗ trợ thêm kinh phí cho CBGV, NV nhất là đối với giáo viên, nhân viên ngoài biên chế để họ yên tâm công tác.

2. Công tác tổ chức

Họ tên + chức danh Nội dung	Hiệu trưởng Nguyễn Thị Vui	Phó hiệu trưởng Lê Thị Hiền
T/gian CT liên tục trong ngành	27 năm	27 năm
Trình độ CM	DHSPMN	DHSPMN
Trình độ QLý- GD	Chứng chỉ	Chứng chỉ
Trình độ lý luận chính trị	Trung cấp	Trung cấp
Ứng dụng CNTT	Chứng chỉ	Chứng chỉ
Kết quả xếp loại theo quy định chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	Xuất sắc	Xuất sắc
Năng lực tổ chức, quản lý	Tốt	Tốt
Năm vững CTTrình - GDMN	Tốt	Tốt
Phẩm chất đạo đức	Tốt	Tốt
Tín nhiệm của GV, nhân viên và nhân dân địa phương	Tạo được sự tin nhiệm cao đối với CBGV, NV trường, lãnh đạo địa phương và nhân dân trong toàn xã.	Có uy tín cao đối với CBGV, NV trong nhà trường, lãnh đạo địa phương và nhân dân trong toàn xã.
Xếp loại danh hiệu thi đua	CSTĐ cấp Huyện	CSTĐ cấp CS

3. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trong nhà trường.

- Nhà trường có các hội đồng: Hội đồng trường; hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỷ luật.. các hội đồng được tổ chức và thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường mầm non; chú trọng công tác giám sát hoạt động của trường; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết và quy chế dân chủ trong các hoạt động nhà trường.

- Tổ chức Đảng: Chi bộ nhà trường có 12 đảng viên chiếm 66.7% tổng số cán bộ giáo viên trong nhà trường. Nhiều năm Chi bộ đạt chi bộ trong sạch vững mạnh.

- Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên đều sinh hoạt thường xuyên, hoạt động có hiệu quả, có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ, huy động được sự đóng góp của cộng đồng cho phong trào giáo dục mầm non của địa phương.

4. Chấp hành sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp:

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng liên quan đến giáo dục mầm non, chấp hành sự quản lý của chính quyền địa phương, đồng thời chủ động tham mưu cho cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể lãnh đạo hoạt động của nhà trường theo mục tiêu và kế hoạch giáo dục mầm non.

- Nhà trường chấp hành nghiêm túc sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng Giáo dục & Đào tạo, thực hiện đầy đủ các quy định về báo cáo với cơ quan quản lý cấp trên.

- Công tác kiểm định chất lượng trường MN: Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc công tác tự đánh giá kiểm định chất lượng theo Thông tư số 25/2014/TT-BGD&ĐT ngày 07/ 8/2014 và kết quả tự đánh giá trường đạt ở cấp độ 2.

*** Đánh giá tiêu chuẩn I tổ chức và quản lý : Đạt**

II. Đội ngũ giáo viên và nhân viên

Nội dung	Giáo viên	Nhân viên
Số lượng:	18	3
- Dạy nhóm trẻ	4	
- Dạy lớp mẫu giáo	14	
Trình độ đào tạo		
- Tỷ lệ đạt trình độ chuẩn	18/18 GV = 100%	3/3 NV = 100%
- Tỷ lệ đạt trình độ trên chuẩn	15/18 GV = 83.3%	1/3 NV = 3,3%
Định mức giáo viên /trẻ		
- Nhà trẻ	1 GV/ 10 trẻ	
- Mẫu giáo	1 GV/ 21,5 trẻ	
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp trường:	10/18 GV = 55,5%	
Tỷ lệ GV dạy giỏi cấp huyện trở lên:	4/18 GV = 22.2%	
Tỷ lệ đạt lao động tiên tiến	11/18 GV = 61,1.%	2/3 NV = 66,6%
Tỷ lệ đạt CSTĐ	3/18 GV = 16,7%	
Số lượng GV, NV bị kỷ luật	0	0
Tỷ lệ GV đạt khá theo chuẩn NN GVMN:	13/18 GV = 72,2%	
Tỷ lệ GV đạt xuất sắc theo chuẩn NN GVMN:	5/18 GV = 27.8%	

Tỷ lệ GV bị xếp loại kém theo chuẩn NNGVMN:	0	
Tham gia các hoạt động chuyên môn, chuyên đề, hoạt động XH:	18	3
Số lượng GV có KH tự bồi dưỡng: Đạt tỷ lệ:	18/18GV = 100%	
Ứng dụng CNTT	18/18 GV = 100%	3/3 NV = 100%
Quy hoạch phát triển đội ngũ, có kế hoạch bồi dưỡng tăng số lượng GV đạt chuẩn, trên chuẩn về trình độ đào tạo	2/18 GV = 11.1%	
Thực hiện chương trình bồi dưỡng TX, BD hè, chuyên đề	-Tất cả CBGV trong nhà trường đều học tập nghiêm túc CTBDTX trong năm học, BD hè và các chuyên đề hè do Phòng GD tổ chức	
Tỷ lệ GV có kế hoạch và thực hiện tự bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	-100% CBGV có kế hoạch và thực hiện tốt công tác tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	

*** Đánh giá tiêu chuẩn II: Đội ngũ giáo viên, nhân viên : Đạt**

III. Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

- Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GD&ĐT.

- Kết quả hàng năm:

+ Tỷ lệ trẻ được bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần: 234/234 tỷ lệ 100%

+ Hàng năm tuyệt đối không xảy ra dịch bệnh và ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non

+ Tỷ lệ trẻ được khám sức khoẻ định kỳ: 234/234 tỷ lệ 100%

+ Tỷ lệ chuyên cần của trẻ:

Trẻ mẫu giáo : từ 3- 5 tuổi = 189/ 194 đạt 96,9%

Trẻ tuổi nhà trẻ: từ 24-36 tháng = 37/40 đạt 92.5%

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể nhẹ cân: 10/234. Tỷ lệ: 4.3 %

+ Tỷ lệ trẻ SDD thể thấp còi: 8/234. Tỷ lệ 3.4%

+ 100% trẻ suy dinh dưỡng được can thiệp bằng các biện pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng: Nhà trường phối hợp với gia đình để cùng chăm sóc trẻ, hạn chế tối đa trẻ suy dinh dưỡng và thấp còi.

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình GDMN: 80/80 trẻ =100%

+ Tỷ lệ trẻ 5 tuổi được đánh giá theo Bộ chuẩn PT trẻ 5 tuổi: 80/80 = 100%

+ Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi học 2 buổi/ngày: 154/154 = 100%

+ Tỷ lệ nhóm trẻ bán trú: 2/2=Tỷ lệ 100%; Tỷ lệ lớp bán trú: 7/7 = 100%.

+ Tỷ lệ trẻ khuyết tật học hòa nhập : 1 cháu

*** Đánh giá tiêu chuẩn III chất lượng CS, GD trẻ : Đạt**

IV. Quy mô trường, lớp, cơ sở vật chất và thiết bị

1. Quy mô trường mầm non, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Xã Minh Châu được công nhận đạt chuẩn phổ cập GD trẻ mầm non 5 tuổi năm 2012 và tiếp tục duy trì kết quả trong các năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017

- Số điểm trường: 01

- Tổng số trẻ trong trường: 234 cháu

Trong đó:

- Số trẻ nhà trẻ: 40/209 cháu = 19.1 %; Số trẻ mẫu giáo: 194/ 267 cháu= 72.6%

- Số trẻ được ăn bán trú: 200/234 cháu (NT:40 ; MG: 160)

- Mức ăn : Nhà trẻ = 12,000đ ; Mẫu giáo 14.000đ/trẻ/ngày

- Tổng số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo: 09

Trong đó:

+ Số nhóm trẻ: 2 nhóm; độ tuổi: 24-36 tháng: = 40 cháu

+ Số lượng lớp mẫu giáo: 7 lớp = 194 cháu

Chia độ tuổi : Lớp 3T: 2 lớp = 50 cháu

Lớp 4T: 2 lớp = 64 cháu

Lớp 5T: 3 lớp = 80 cháu

2. Địa điểm trường:

- Trường được đặt ở khu trung tâm của xã rất thuận lợi cho việc đưa đón trẻ đến trường.

- Nhà trường thực hiện tốt các quy định về ATTP và VSMT, đặc biệt môi trường trong ngoài lớp luôn sạch sẽ và thoáng mát, khuôn viên xanh, sạch, đẹp đảm bảo môi trường sư phạm thân thiện giữa cô và trò trong trường mầm non.

3. Yêu cầu về thiết kế, xây dựng:

- Diện tích mặt bằng sử dụng của trường mầm non bình quân 9,5 m²/trẻ:

- Công trình được xây dựng nhà kiên cố và bán kiên cố: Trong đó có 08 phòng học và các phòng chức năng các phòng hiệu bộ đảm bảo theo yêu cầu .

- Khuôn viên nhà trường có tường rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài, sân thoáng mát, cao ráo. Có vườn thiên nhiên, vườn cỏ tích, cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Cổng chính: Có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường mầm non .

- Nguồn nước sạch: Nhà trường sử dụng nguồn nước sạch từ hệ thống lọc từ nước giếng khoan. Chất lượng nước đảm bảo theo yêu cầu của cơ quan y tế kiểm định.

- Hệ thống thoát nước của nhà trường xây dựng đảm bảo quy trình vệ sinh, có cống rãnh thoát nước và có nắp đậy đầy đủ, đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Các phòng chức năng:

a) Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo:

- Phòng sinh hoạt chung: diện tích trung bình 55m^2 /phòng: Đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông. Có đầy đủ bàn ghế cho giáo viên và trẻ, đủ ĐDDC cho trẻ hoạt động; môi trường giáo dục trong và ngoài lớp trang trí đẹp phù hợp với môi trường của trẻ. Đảm bảo yêu cầu theo quy định.

- Phòng ngủ: Sử dụng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ. Có đầy đủ các đồ dùng phục vụ trẻ ngủ;

- Phòng vệ sinh: Diện tích trung bình $0,2\text{m}^2$ /trẻ, được xây khép kín.

- Hiên chơi: diện tích trung bình $0,6\text{m}^2$ /trẻ, và đảm bảo quy cách theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

b, Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: diện tích 65m^2 có gương tường, gióng múa, tủ đồ dùng và trang phục; các đồ dùng phục vụ hoạt động thể chất và nghệ thuật.

c) Khối phòng tổ chức ăn:

- Khu vực nhà bếp đảm bảo diện tích và được vận hành theo quy trình bếp một chiều. Có kho thực phẩm và có tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn.

- Khu vực bếp: Có diện tích 60m^2 , có khu sơ chế và chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn, có đầy đủ thiết bị, đồ dùng phục vụ trẻ ăn bán trú. Dụng cụ chế biến đảm bảo vệ sinh ATTP.

- Kho thực phẩm: phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;

- Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn: Thức ăn của trẻ được nhà trường lưu mẫu trong vòng 24 giờ.

d) Khối phòng hành chính quản trị:

- Nhà trường có đầy đủ các khối phòng hành chính và quản trị

- Diện tích và trang thiết bị: Văn phòng trường, diện tích 35m², có bàn ghế họp và tủ đựng hồ sơ, trang thiết bị nội thất văn phòng đảm bảo tiêu chuẩn;

- Phòng hiệu trưởng: Có diện tích 17,3m², có đầy đủ các phương tiện làm việc và bàn ghế tiếp khách

- Phòng phó hiệu trưởng: Có diện tích 21,3m² có đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác chuyên môn; có bảng thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì; có bảng kế hoạch theo dõi tiêm phòng và khám sức khoẻ định kỳ cho trẻ; có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khoẻ trẻ...

5. Sân vườn: Diện tích sân chơi được quy hoạch, thiết kế phù hợp. Có cây xanh, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp, tạo bóng mát sân trường. Có vườn hoa cây cảnh dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ cây, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, học tập, có đủ 5 loại đồ chơi ngoài trời. Sân vườn thường xuyên sạch sẽ, có hàng rào chắn an toàn.

*** Đánh giá tiêu chuẩn quy mô trường, lớp, CSVC và thiết bị: Đạt**

V. Thực hiện xã hội hoá giáo dục

1. Công tác tham mưu phát triển giáo dục mầm non: Nhà trường thực hiện tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, Hội đồng giáo dục cấp cơ sở, các ban ngành về chủ trương xây dựng và giải pháp huy động các nguồn lực phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

2. Các hoạt động xây dựng môi trường giáo dục nhà trường, gia đình, xã hội:

a) Nhà trường tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền để nâng cao sự hiểu biết trong phụ huynh, cộng đồng và nhân dân về mục tiêu GDMN tạo điều kiện cho phụ huynh tham gia và giám sát các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục trẻ mầm non như: Tổ chức họp phụ huynh đầu năm, xây dựng nội dung tuyên truyền thông qua các Hội nghị lớn của xã, các ban ngành, hệ thống bảng biểu tuyên truyền, góc tuyên truyền, các danh mục tuyên truyền thanh

b) Nhà trường luôn phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ và tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được vui chơi, học tập; đảm bảo mối liên hệ thường xuyên giữa trường mầm non, giáo viên và gia đình thông qua các cuộc họp phụ huynh, trao đổi trực tiếp hoặc các hình thức khác để giúp trẻ phát triển.

- Mua sắm phục vụ công tác chăm sóc giáo dục trẻ như: giá góc, chăn , gối, đồ dùng, đồ chơi trong lớp, đồ chơi ngoài trời, khuôn viên, xây dựng vườn cô tích chỉ trẻ được trải nghiệm.

- Huy động được các nguồn kinh phí xây dựng CSVC; Mua sắm thiết bị bên trong Tổng kinh phí là: 1.903 tỷ đồng Trong đó:

+ Ngân sách địa phương là: 1,663 tỷ đồng

+ Ngân sách nhà nước là : 170 triệu đồng

+ Phụ huynh đóng góp: 70 triệu đồng

*** Đánh giá tiêu chuẩn XHHGD: Đạt**

C. Kết luận:

Đối chiếu với các tiêu chuẩn trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 tại Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia ban hành kèm theo Thông tư 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/2/2014 của Bộ GD&ĐT trường mầm non Minh Châu đạt các tiêu chuẩn của trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Đề nghị Sở GD&ĐT – UBND tỉnh Thanh Hóa kiểm tra thẩm định công nhận trường Mầm non Minh Châu đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I năm học 2016- 2017.

Thư ký

Hiệu trưởng

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Quang Trung**

Nguyễn Thị Hường

Nguyễn Thị Vui